

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA KAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2022/HNGĐ –ST.**

Ngày: 31 – 8 - 2022.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Luyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Xuân Thắng.

2. Ông Nguyễn Đình Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*  
Ông Dương Minh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 202/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2022, về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXX-ST ngày 08/8/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1985 ( Có mặt)

Nơi cư trú: thôn 13, xã EĐ, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

**Bị đơn:** ông Đặng Tiến M, sinh năm: 1981 ( Có mặt)

Nơi cư trú: thôn 13, xã EĐ, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày có nội dung như sau:***

Bà T và ông Đặng Tiến M chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã EĐ, huyện Ea Kar vào năm 2004. Sau khi về chung sống với nhau vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Vào đầu năm 2022 bà T và ông M đã ly thân với nhau, trong thời gian ly thân thì hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc với nhau. Mâu thuẫn kéo dài và không có khả năng hòa giải, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, có về chung sống với nhau cũng không hạnh phúc, vì vậy nguyện vọng của bà T là đề nghị Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông M.

**\* Về con chung:**

Trong thời gian chung sống bà T và ông M có 04 con chung: cháu Đặng Diễm Q, sinh ngày: 08/4/2004; cháu Đặng Thị H, sinh ngày: 06/5/2009; cháu Đặng Thu P, sinh ngày: 31/7/2011 và cháu Đặng Gia H1, sinh ngày: 20/02/2016. Bà T có nguyện vọng giao các con chung cho ông M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T và ông M tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến để giải quyết.

***Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn Đặng Tiến M trình bày có nội dung như sau:***

Ông M và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã EĐ, huyện Ea Kar vào năm 2004.

Sau khi về chung sống với nhau vẫn hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tin tưởng nhau, sống không hạnh phúc, vợ chồng tôi hiện tại không còn tình cảm và đã sống ly thân từ đầu năm 2022. Tuy nhiên do hai vợ chồng chưa thống nhất với nhau về việc giải quyết tài sản chung nên ông M không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông M và bà T có 04 con chung: cháu Đặng Diễm Q, sinh ngày: 08/4/2004; cháu Đặng Thị H, sinh ngày: 06/5/2009; cháu Đặng Thu P, sinh ngày: 31/7/2011 và cháu Đặng Gia H1, sinh ngày: 20/02/2016. Ông M có nguyện vọng nhận nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông M không yêu cầu nên không đề cập đến để giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện EaKar đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các bên đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện EaKar quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Về quan hệ hôn nhân có nguyện vọng ly hôn ông Đặng Tiến M; Về con chung: Giao các con chung cho ông M nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn ông Đặng Tiến M không đồng ý ly hôn; Về con chung: Ông M nhận nuôi các con chung đến khi đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar:

***Về tố tụng:*** Từ khi thụ lý, đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định tại Điều 198 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tổng đạt giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Về nội dung:*** Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Đặng Tiến M. Về con chung: Giao các con

chung cháu Đặng Thị H, sinh ngày: 06/5/2009; cháu Đặng Thu P, sinh ngày: 31/7/2011 và cháu Đặng Gia H1, sinh ngày: 20/02/2016 cho ông Đặng Tiến M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.*

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Nguyễn Thị T khởi kiện ông Đặng Tiến M về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện EaKar theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân của bà Nguyễn Thị T và ông Đặng Tiến M là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn lý do là ông bà không có sự tin tưởng tôn trọng lẫn nhau trong cuộc sống, không quan tâm chăm sóc cho gia đình, điều đó được bà T, ông M thừa nhận. Thể hiện hôn nhân của bà T, ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là có căn cứ, phù hợp với Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống các đương sự có 04 con chung: cháu Đặng Diễm Q, sinh ngày: 08/4/2004; cháu Đặng Thị H, sinh ngày: 06/5/2009; cháu Đặng Thu P, sinh ngày: 31/7/2011 và cháu Đặng Gia H1, sinh ngày: 20/02/2016. Hiện nay cháu Q đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu H, cháu P và cháu H1, bà T và ông M đều thống nhất thỏa thuận giao 03 cháu cho ông M chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Thỏa thuận này của ông M, bà T là có căn cứ, phù hợp với các Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Bà T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, bà T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia

đình; điểm a Khoản 5; điểm b, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Đặng Tiến M.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Đặng Thị H, sinh ngày: 06/5/2009; cháu Đặng Thu P, sinh ngày: 31/7/2011 và cháu Đặng Gia H1, sinh ngày: 20/02/2016 cho ông Đặng Tiến M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Bà T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, bà T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 60AA/2021/0006071 ngày 29/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THA dân sự huyện EaKar;
- UBND xã Ea Đar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Luyện**

